

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2023.
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23/6/2023 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2046/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Hồng K, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: E Colchester A, CA 92683, USA (Hoa Kỳ).

Tạm trú: Số B L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trương Bích K1, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Trương Bích K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023, nguyên đơn ông Đinh Hồng K trình bày:

Ông Đinh Hồng K và bà Trương Bích K1 kết hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 195, quyển số 04 ngày 20/11/2015. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau; cuộc sống hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Nay ông làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét cho ông được ly hôn với bà Trương Bích K1.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Ông và bà K1 có tài sản chung là khoản tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) được gửi vào sổ tiết kiệm số FDAB 295543 tại Ngân hàng Q (N) do bà Trương Bích K1 đứng tên. Sau khi ly hôn, ông đề nghị được chia đôi số tiền trên.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2023, bà Trương Bích K1 trình bày:

Trong quá trình sinh sống với nhau từ năm 2015 đến năm 2022 cuộc sống vợ chồng bình thường. Vào khoảng tháng 10/2022 ông Đinh Hồng K có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bắt đầu từ đó, ông K1 luôn gây sự với bà một cách vô lý, hay la lớn và mắng bà. Ngày 11/11/2022, ông K1 tự ý bỏ đi và khóa cửa bên ngoài vì sợ bà ngăn cản. Bà có liên hệ ông K1 để ông quay về nhưng ông K1 không đồng ý và chặn liên lạc số điện thoại, Z. Ông K1 có lỗi trong thời gian còn hôn nhân với bà mà có mối quan hệ khác. Ông K1 vi phạm luật hôn nhân tại Việt Nam. Số tiền gửi tiết kiệm: 300.000.000 VNĐ (ba trăm triệu đồng) là tài sản riêng của bà và bà đã sử dụng hết.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông K1

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Bích K1 trình bày rằng, số tiền 300.000.000 đồng do bà làm ra trong thời kỳ hôn nhân với ông Đinh Hồng K đây là tài sản chung nhưng do một mình bà làm ra, không K không có đóng góp gì nên không đồng ý chia cho ông K. Hơn nữa, sau khi ông K bỏ đi khỏi nhà thì bà đã rút toàn bộ số tiền trên từ ngân hàng để trả nợ và mua sắm vật dụng trong gia đình nên không còn tiền để chia cho ông K.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2023/HNGĐ-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hồng K.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hồng K được ly hôn với bà Trương Bích K1.

[2] Về tài sản chung:

[2.1] Bà Trương Bích K1 được hưởng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) hiện bà K1 đã giữ.

[2.2] Ông Đinh Hồng K được hưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ bà Trương Bích K1 giao lại.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, bị đơn là Trương Bích K1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không phân chia tài sản 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho ông Đinh Hồng K; Số tiền án phí 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) phải do ông Đinh Hồng K chịu với lý do: Số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) đã được sử dụng trước thời điểm ông Đinh Hồng K quyết định ly hôn. Hiện tại bà Trương Bích K1 đã ngoài tuổi lao động theo quy định chi tiết tại Điều 169 và khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP cùng với tình hình kinh tế hiện nay vô cùng khó khăn, hoạt động kinh doanh mua bán không còn như trước nữa, thu nhập hiện nay chỉ đủ sống qua ngày, thậm chí phụ thuộc con cái trợ cấp hàng tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo của mình.

Nguyên đơn ông Đinh Hồng K đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Bích K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo: xét đơn kháng cáo có hình thức nội dung và thời gian kháng cáo đã tuân thủ Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung :

[2.1] Bị đơn bà Trương Bích K1 kháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền đã chia cho ông Đinh Hồng K 100.000.000 đồng:

Xét thấy tại phiên tòa bị đơn thừa nhận số tiền 300.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của vợ chồng, là tài sản chung của vợ chồng, sau đó bị đơn đã rút tiền để trả nợ, mua sắm vật dụng gia đình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định số tiền 300.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng là có căn cứ.

Do có căn cứ xác định ông Đinh Hồng K có quan hệ với người phụ nữ khác, và số tiền 300.000.000 đồng tài sản chung bà Trương Bích K1 trình bày là đã dùng vào việc trả nợ, chi tiêu trong gia đình và mua sắm vật dụng gia đình nhưng không chứng minh được, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết chia cho ông K1 1/3 tài sản chung, bà K1 được 2/3 tài sản chung là đúng.

[2.2] Đối với việc bị đơn kháng cáo yêu cầu ông Đinh Hồng K phải chịu số tiền án phí 10.000.000 đồng, vì lý do ông K là người nước ngoài, ông đã vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình trong thời gian chung sống với bà K do đó ông K không được hưởng tiền miễn giảm án, và bà phải thuộc trường hợp miễn giảm án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định các trường hợp phải chịu án phí. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trương Bích K1 không phải là người cao tuổi, và bà K1 không nộp cho Tòa án đơn xin miễn giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn, do đó bà không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí. Tòa án cấp sơ thẩm không miễn giảm án phí cho bà là có căn cứ.

Do số tiền được chia từ tài sản chung vợ chồng của ông Đinh Hồng K ít hơn của bà Trương Bích K1, nên số tiền án phí phải chịu ít hơn bà K1. Mặt khác, ông Đinh Hồng K là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí, do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho ông Đinh Hồng K là có căn cứ. Đối với việc ông Đinh Hồng K vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình với bà Trương Bích K1, thì việc này không phải là căn cứ để Tòa xem xét buộc ông Đinh Hồng K phải chịu số tiền án phí thay cho bà Trương Bích K1.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Bích K1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Bích K1 phải chịu số tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Bích K1.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2023/HNGĐ-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Điều 28, 37, 39, 147, 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hồng K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hồng K được ly hôn với bà Trương Bích K1.

2. Về tài sản chung:

2.1. Bà Trương Bích K1 được hưởng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) hiện bà K1 đã giữ.

2.2. Ông Đinh Hồng K được hưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ bà Trương Bích K1 giao lại.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm:

6.1. Miễn toàn bộ án phí cho ông Đinh Hồng K.

6.2. Buộc bà Trương Bích K1 phải chịu 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Bích K1 phải chịu số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003564 ngày 02/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh